

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2021

V/v “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH
DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí

2. Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát Viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về Vệc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thuý V, sinh năm 1993; HKTT: Số 22/16/6A đường Đ, tổ 2, Khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1984; HKTT: Xóm 3, Thôn T, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Tạm trú; Số 22/16/6A tổ 2, Khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Thuý V trình bày: Bà Bùi Thị Thuý V và ông Nguyễn Minh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01/2012 ngày 16/4/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện tại, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bà Vy đang sống cùng hai con, ông H thường

xuân bỏ nhà đi, không chăm lo cho vợ và các con. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không thể cải thiện, hôn nhân không thể kéo dài nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 27/10/2018. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh H nhưng ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H. Ông H có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh H theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Minh H và bà Bùi Thị Thuý V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2012 ngày 16/4/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông H là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà V yêu cầu được ly hôn với ông H vì cho rằng cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, ông H và bà V thực tế đã sống ly thân hơn 01 năm nay vì ông H thường xuyên không về nhà nên vợ chồng không thể hàn gắn. Căn cứ Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 07/10/2021 thể hiện thực tế ông H và bà V đã không còn sống chung nên không còn có thể hàn gắn, không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa hai người đã thực sự không còn, mâu thuẫn giữa bà V và ông H đã thực sự trầm trọng và bà V xác định không mong muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà V và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 27/10/2018. Sau khi ly hôn, Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung, yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/01 con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Xét hoàn cảnh thực tế hai con chung là cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 27/10/2018 đều đang sinh sống, học tập ổn định cùng bà V. Căn cứ biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Hữu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Th còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, bà V yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 02 chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên do ông H không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ theo nguyện vọng của con chung và để đảm bảo cuộc sống, học tập ổn định cho các con cần giao 02 con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 02 chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thuý V đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H.

Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thuý V và ông Nguyễn Minh H phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thuý V đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H về Việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thuý V được ly hôn với ông Nguyễn Minh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01/2012 do UBND phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/4/2012).

- Về con chung: Bà Bùi Thị Thuý V được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 27/10/2018.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 27/10/2018 mỗi tháng 1.000.000đồng/01con cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Minh H trong việc thăm nom, chăm sóc 02 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thuý V phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0051424 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Minh H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Hoà ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duy Nhân

